TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2024
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Hoàng và ông Lê Trường Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã S, huyện Hỏn Đất, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ E, ấp T, xã A, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn T do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do anh T ghen tuông vơ cớ, thường xuyên bạo lực gia đình, đánh vợ, chị B cố gắng chịu đựng, để anh T sữa đổi, nhưng anh T vẫn không khắc phục sữa đổi những khuyết điểm trên, nên vợ chồng thường

xuyên cãi vã, và đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay chị Nguyễn Thị B yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị B Như, sinh ngày 16/02/2012 và Nguyễn Như Ngọc Tiên, sinh ngày 30/01/2020, hiện cháu Như đang sống với chị B, cháu Tiên đang sống với anh T (khoảng 03 tháng nay), khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 đứa con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Văn T đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 191, 192, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Nguyễn Thị B Như, sinh ngày 16/02/2012 cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Như Ngọc Tiên, sinh ngày 30/01/2020 cho anh T được quyền nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung chị B khai không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị xãy ra nhiều mâu thuẫn, theo chị B khai, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T ghen tuông vơ cớ, thường xuyên bạo lực gia đình, đánh vợ, chị B cố gắng chịu đựng, để anh T sữa đổi, nhưng anh T vẫn không khắc phục sữa đổi những khuyết điểm trên, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, và đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân nhau, anh chị cũng không có thiện chí khắc phục những mâu thuẫn gia đình để vợ chồng đoàn tụ và kể từ ngày chị B nộp đơn xin ly hôn với anh T cho đến nay, anh T đã cố tình né tránh không đến tòa án để tham gia hòa giải cũng như tham dự phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã động viên chị B để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị B vẫn cương quyết ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét, cho chị B được ly hôn với anh T.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có hai đứa con chung tên Nguyễn Thị B Như, sinh ngày 16/02/2012 và Nguyễn Như Ngọc Tiên, sinh ngày 30/01/2020, hiện cháu Như đang sống với chị B, cháu Tiên đang sống với anh T, khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 đứa con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Như đang sống với chị B và cháu Như cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử, xét, giao cháu Nguyễn Thị B Như cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng cháu Nguyễn Như Ngọc Tiên đang sống chung với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiên và chị B không chứng minh được việc anh T không chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo cháu Tiên. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và vì lợi ích của con HĐXX căn cứ vào các Điều 58, Điều 81,

82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét, giao cháu Nguyễn Như Ngọc Tiên, sinh ngày 30/01/2020 cho anh T được quyền nuôi dưỡng.

"Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; chị B, anh T có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó".

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị B và anh T mỗi người nuôi 01 đứa con chung và chị B cũng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa chị B khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T vắng mặt nên HĐXX không xem xét về tài sản chung, nợ chung của anh chị. Nếu anh T chứng minh được vợ chồng có tài sản chung, nợ chung và yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì anh có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị B Như, sinh ngày 16/02/2012 cho chị B được quyền nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Như Ngọc

Tiên, sinh ngày 30/01/2020 cho anh T được quyền nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số: 0007859 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

"*Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ*".

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Huỳnh Ngọc Lan